

# Trí thức và nhận thức pháp quyền

Pháp quyền không thể đặt bên cạnh các giá trị về tinh thần như chân lý khoa học, sự tận thiện về đạo đức hay kinh bản của tôn giáo. Nó chỉ có ý nghĩa tương đối, nội dung của nó một phần nào đó được quyết định bởi những điều kiện kinh tế và xã hội luôn luôn biến đổi. Ý nghĩa tương đối của pháp quyền đã tạo cơ sở cho một số lý thuyết gia đánh giá nó quá thấp. Một số người cho rằng pháp luật chỉ có giá trị tối thiểu về đạo đức, một số khác lại cho rằng cưỡng chế, nghĩa là bạo lực, là thành tố không thể tách rời của pháp luật. Nếu đúng là như thế thì chẳng có cơ sở nào để chê trách giới trí thức của chúng ta trong việc coi thường pháp quyền hết. Giới trí thức của chúng ta luôn hướng tới những lý tưởng tuyệt đối và trên đường đi của mình nó có thể bỏ qua cái giá trị thứ cấp này.

Nhưng văn hóa tinh thần bao gồm không chỉ một loại giá trị. Các đặc điểm mang tính hình thức của hoạt động trí tuệ và hoạt động ý chí là thành phần chủ yếu của văn hóa tinh thần. Mà trong các giá trị mang tính hình thức thì pháp luật, một hình thức phát triển hoàn hảo nhất và gần như có thể cảm nhận được một cách cụ thể nhất, đóng vai trò quan trọng nhất. Pháp luật đưa người ta vào khuôn phép nhanh hơn là tư duy lô gích và phương pháp luận hay những biện pháp rèn luyện ý chí

một cách có hệ thống khác. Điều quan trọng là, khác với những hệ thống kỷ luật mang tính cá nhân nói trên, pháp luật là hệ thống mang tính xã hội và lại là hệ thống xã hội duy nhất ép người ta vào kỷ luật. Kỷ luật xã hội chỉ có thể được hình thành nhờ pháp luật; xã hội có kỷ cương và xã hội có trật tự pháp luật phát triển là những khái niệm tương đồng.

Nhìn theo cách đó thì nội dung của pháp quyền đã có một ý nghĩa khác. Nội dung chủ yếu và quan trọng nhất của pháp quyền chính là tự do. Nói cho ngay, đây là tự do ngoại tại, tự do tương đối, được quy định bởi môi trường xã hội. Nhưng tự do nội tại, tự do tinh thần, tự do có tính bền vững hơn, lại chỉ có thể hiện hữu khi có sự hiện hữu của tự do ngoại tại, cái sau là trường học tuyệt vời cho cái trước.

Nếu coi pháp luật là phương tiện buộc người ta phải tuân thủ kỷ cương một cách toàn diện và tìm hiểu vai trò của nó trong sự phát triển tinh thần của giới trí thức Nga thì ta sẽ có một kết quả rất đáng thất vọng. Giới trí thức Nga bao gồm những người không có kỷ luật, cả về mặt cá nhân lẫn xã hội. Và điều này lại liên quan đến sự kiện là giới trí thức Nga không tôn trọng pháp luật, không nhận thấy giá trị của nó; pháp luật là giá trị văn hóa bị coi thường hơn cả. Trong những điều kiện như thế, giới trí thức của chúng ta không thể có nhận thức pháp quyền vững chắc, ngược lại, nhận thức pháp quyền nằm ở vị trí kém phát triển nhất.

**1. Nhận thức pháp quyền của giới trí thức chỉ có thể phát triển cùng với việc nghiên cứu các tư tưởng pháp quyền trong văn học.** Việc nghiên cứu như thế

cũng đồng thời là chỉ dấu mức độ giác ngộ pháp luật của chúng ta. Hoạt động miệt mài của nhận thức, của tư duy, dù theo bất kỳ hướng nào, bao giờ cũng được thể hiện trong văn học. Chúng ta phải tìm trước hết trong văn học những bằng chứng về nhận thức pháp quyền của chúng ta. Nhưng ở đây chúng ta sẽ gặp một sự kiện lạ lùng như sau: nền văn học “phong phú” trong quá khứ không hề có một luận văn hay bài tiểu luận nào nói về pháp quyền có thể tạo được giá trị xã hội hết. Tác phẩm nghiên cứu mang tính hàn lâm thì dĩ nhiên là có, nhưng đấy chỉ là dành cho các chuyên gia mà thôi. Chúng ta không quan tâm đến các tác phẩm như thế; chúng ta chỉ quan tâm đến các trước tác có ý nghĩa xã hội; ở đây chẳng có một tác phẩm nào đủ sức khuấy động được nhận thức pháp quyền của giới trí thức. Có thể nói rằng trong quá khứ đã không có bất cứ tư tưởng pháp quyền nào, như được thể hiện trong lĩnh vực văn học, tham gia vào quá trình phát triển về mặt tư tưởng của giới trí thức. Và hiện nay, trong tập hợp các tư tưởng tạo ra thế giới quan của giới trí thức, tư tưởng pháp quyền cũng chẳng có vai trò gì. Văn học chính là người làm chứng cho cái chỗ thiếu sót trong nhận thức xã hội đó của chúng ta.

Bìa cuốn Khảo luận thứ hai về chính quyền. Chính quyền dân sự - J.Locke

Về mặt này thì sự phát triển của chúng ta khác hẳn với sự phát triển của các dân tộc văn minh khác! Trong các giai đoạn tương ứng, ta thấy người Anh, một mặt, có Hobbes[1] với các tác phẩm như Bàn về người công dân, Leviathan và Filmer với Người gia trưởng hay là quyền lực tự nhiên của vua chúa[2], còn bên kia là các tác phẩm của Milton[3] nhằm bảo vệ tự do phát biểu và tự do ngôn luận,

những bài văn đả kích của Lilburne[4] và các tư tưởng pháp quyền của những người gọi là “cào bằng” (levellers). Giai đoạn phát triển vũ bão nhất trong lịch sử Anh cũng đã tạo ra những tư tưởng pháp quyền đối chọi nhau. Nhưng những tư tưởng này không loại trừ nhau và đến một lúc nào đó đã hình thành một sự thỏa hiệp trong tác phẩm Hai khảo luận về chính quyền của Locke[5].

Nội dung tư tưởng của Pháp thế kỷ XVIII không chỉ giới hạn bởi các phát minh trong lĩnh vực tự nhiên và các hệ thống triết lý tự nhiên. Ngược lại, phần lớn hành trang tư tưởng ngự trị trong đầu óc người Pháp thời Khai sáng chắc chắn là được lấy từ Bàn về tinh thần pháp luật của Montesquieu[6] và Bàn về khế ước xã hội của Rousseau[7]. Đây thực sự là những tư tưởng pháp quyền; thậm chí tư tưởng về khế ước xã hội mà giữa thế kỷ XIX người ta đã giải thích không đúng theo nghĩa xã hội học; định nghĩa về cội nguồn của tổ chức xã hội cũng chủ yếu là tư tưởng pháp quyền, nó quy định tiêu chuẩn tối thượng cho việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội.

Tư tưởng pháp quyền cũng đóng vai trò không nhỏ trong quá trình phát triển về mặt tinh thần của nước Đức. Ở đây, đến cuối thế kỷ XVIII đã định hình một truyền thống vững chắc có nguồn gốc từ nhiều thế kỷ nhờ những người như Althusius[8], Pufendorf[9], Thomasius[10], Wolff[11]. Cuối cùng, ngay trước giai đoạn lập hiến, đồng thời cũng là giai đoạn phát triển nhất của nền văn hóa tinh thần Đức, pháp quyền đã được công nhận là thành phần không thể tách rời của nền văn hóa đó. Chỉ xin nhớ lại ba đại diện của nền triết học cổ điển Đức là Kant[12],

Fichte[13] và Hegel[14], cả ba ông này đều dành cho pháp quyền vị trí quan trọng trong hệ thống triết học của mình. Trong hệ thống của Hegel, triết lý pháp quyền chiếm vị trí cực kỳ đặc biệt vì ông đã trình bày nó ngay sau lô gích học hoặc bản thể luận, trong khi đó, triết học lịch sử, triết học nghệ thuật và ngay cả triết học tôn giáo vẫn chưa được ông chấp bút và chỉ được in theo những ghi chép của những thính giả của ông sau khi ông đã tạ thế. Nhiều triết gia khác, như Herbart[15], Krause[16], Fries[17], v.v... đã có đóng góp vào triết học pháp quyền. Nửa đầu thế kỷ XIX Triết học pháp quyền chắc chắn là tên gọi hay gặp nhất trong số sách viết về triết học ở Đức. Bên cạnh đó, ngay trong những năm 20 của thế kỷ XIX đã diễn ra cuộc tranh luận nổi tiếng giữa Thibaut[18] và Savigny[19] “về sứ mệnh lập pháp và luật học của thời đại chúng ta”. Cuộc tranh luận hoàn toàn mang tính pháp lý này đã có ảnh hưởng văn hóa rất sâu sắc; nó thu hút sự quan tâm của tất cả tầng lớp có học và góp phần tích cực vào việc đánh thức nhận thức pháp quyền của tầng lớp này. Nếu cuộc tranh luận này đặt dấu chấm hết cho tư tưởng pháp quyền tự nhiên thì nó cũng đồng thời dẫn đến chiến thắng của trường phái pháp quyền mới - pháp quyền lịch sử. Trường phái này đã cho xuất bản một tác phẩm tuyệt vời của Puchta[20] lấy tên là Tập quán pháp. Tác phẩm này gắn bó chặt chẽ với quá trình phát triển của trường phái pháp quyền mới của người Đức, những người nghiên cứu và bảo vệ các thiết chế pháp luật Đức chống lại pháp quyền La Mã. Ông Beseler[21], một môn đồ của trường phái này, trong tác phẩm Quyền của dân chúng và quyền của luật sư đã làm nổi bật, hơn cả Puchta trong tác phẩm Tập quán pháp, vai trò nhận thức pháp luật của dân chúng.

Chưa từng có hiện tượng nào tương tự như thế trong quá trình phát triển của giới trí thức ở nước ta. Trong tất cả các trường đại học tổng hợp ở nước ta đều có khoa luật; một số khoa đã tồn tại được hơn một trăm năm; ở nước ta còn có trên nửa tá trường đại học luật nữa. Tổng cộng, trên toàn nước Nga có gần một trăm năm mươi khoa luật cả thảy. Nhưng không có khoa nào xuất bản được một cuốn sách hay thậm chí một tiểu luận có ý nghĩa xã hội rộng lớn và có ảnh hưởng đối với nhận thức pháp quyền của giới trí thức. Trong sách báo về pháp luật của chúng ta thậm chí không thể tìm được một bài báo, trong đó lần đầu tiên nêu ra được tư tưởng pháp quyền, dù không sâu sắc nhưng chính xác và đầy tinh thần chiến đấu như tác phẩm Cuộc đấu tranh cho luật pháp của Ihering[22] chẳng hạn. Cả Tritrerin[23] lẫn Soloviev[24] đều không tạo được một cái gì đáng kể về tư tưởng pháp quyền. Ngay cả những cái có giá trị của họ thì cũng gần như vô bổ: ảnh hưởng của họ đối với trí thức gần như bằng không; tư tưởng pháp quyền của họ lại được ít người hưởng ứng hơn cả. Thời gian gần đây ở nước ta người ta còn đưa ra tư tưởng phục hồi pháp quyền tự nhiên và tư tưởng pháp quyền trực cảm. Nói về ảnh hưởng của chúng đối với sự phát triển xã hội của chúng ta lúc này là hơi sớm. Nhưng cho đến nay, chưa thấy có cơ sở nào để nghĩ rằng chúng sẽ có ý nghĩa xã hội rộng rãi. Trên thực tế, đâu là diện mạo và đâu là công thức xác định, tức là những thứ tạo cho tư tưởng tính uyển chuyển và giúp cho sự truyền bá của chúng? Tác phẩm, thông qua các tư tưởng này nhằm đánh thức nhận thức pháp quyền của giới trí thức đang nằm ở đâu? Tác phẩm Tinh thần luật pháp và Khế ước xã hội của chúng ta đang nằm ở đâu?

Người ta có thể bảo rằng dân Nga bước lên con đường lịch sử muộn hơn các dân tộc khác cho nên chúng ta không cần phải tự tìm kiếm tư tưởng tự do và quyền cá nhân, trật tự luật pháp, chế độ lập hiến, tất cả các tư tưởng này đã được phát biểu, được phát triển một cách chi tiết, được đưa vào cuộc sống từ lâu rồi, chúng ta chỉ việc mượn về là đủ. Nếu đúng là như thế thì dù sao chúng ta cũng phải thể nghiệm được các tư tưởng đó; vay mượn không thôi thì chưa đủ, một lúc nào đó trong cuộc đời ta phải sống hết mình với nó; một tư tưởng dù có cũ đến đâu thì với người đang thể nghiệm lần đầu nó cũng vẫn luôn luôn là mới; nó hoàn thành công việc sáng tạo trong nhận thức của người đó, nó đồng hóa và chuyên hóa cùng với những thành tố khác của nhận thức; nó thúc đẩy người ta hoạt động, hành động; trong khi đó nhận thức pháp quyền của giới trí thức Nga chưa hề bị cuốn hút trọn vẹn bởi tư tưởng về quyền cá nhân và nhà nước pháp quyền, giới trí thức của chúng ta chưa từng trải nghiệm các tư tưởng này. Nhưng thực chất lại không phải như thế. Không thể có những tư tưởng duy nhất, độc nhất về tự do cá nhân, nhà nước pháp quyền, chế độ lập hiến giống nhau cho mọi dân tộc và mọi thời đại, cũng không có chủ nghĩa tư bản cũng như bất kỳ tổ chức kinh tế hay xã hội giống nhau cho tất cả các nước. Tất cả các tư tưởng pháp quyền trong nhận thức của mỗi dân tộc cũng sẽ có sắc thái và dáng vẻ riêng của mình.

**2. Sự yếu kém trong nhận thức pháp quyền của giới trí thức Nga và sự thờ ơ đối với các tư tưởng pháp quyền là kết quả của thói xấu thâm căn cố đế: không hề có bất kỳ trật tự luật pháp nào trong đời sống thường nhật của người**

Nga. Nhân việc này, Gersen[25] ngay từ những năm 50 của thế kỷ trước (thế kỷ XIX - ND) đã viết: “Thiếu sự bảo đảm về pháp lý từ bao đời nay đã đè nặng lên đời sống của người dân và trở thành một kiểu trường học cho chính họ. Sự bất công quá đáng của một nửa điều luật đã dạy dân chúng căm thù nửa còn lại; người ta phục tùng nó như phục tùng sức mạnh vậy thôi. Sự bất bình đẳng trước pháp luật đã giết chết tinh thần tôn trọng pháp luật. Người Nga, dù có chức tước gì đi chăng nữa, cũng tìm cách tránh né hoặc vi phạm pháp luật nếu có thể làm như thế mà không bị trừng phạt; chính phủ cũng hành động hệt như vậy”. Sau khi đã nêu ra đặc điểm chẳng lấy gì làm hay ho của sự vô tổ chức về mặt pháp luật của chúng ta như thế thì chính Gersen, một trí thức Nga chân chính, lại nói thêm: “Hiện nay thì đây là điều nặng nề và đáng buồn nhưng đối với tương lai thì lại là một ưu điểm lớn. Vì nó cho thấy rằng, ở Nga, phía sau cái chính phủ hữu hình không hề có một lý tưởng nào, không có một chính phủ vô hình, không có sự tôn trọng trật tự hiện hành”.

Như vậy là Gersen cho rằng cái khiếm khuyết căn bản này của đời sống xã hội Nga lại có một ưu điểm. Đây là ý kiến không chỉ của riêng Gersen mà là của cả nhóm người thuộc giai đoạn những năm bốn mươi, mà chủ yếu là những người thân Slav. Những người này cho rằng sự yếu kém của các hình thức pháp luật ngoại tại, thậm chí hoàn toàn không có trật tự pháp luật ngoại tại lại là mặt mạnh chứ không phải là mặt yếu. Thí dụ, lúc đó K. S. Aksakov[26] từng khẳng định rằng trong khi “người phương Tây” đi theo “con đường của sự thật ngoại tại, con



đường của chính phủ” thì người Nga đi theo “con đường của sự thật nội tại”. Vì vậy mà ở Nga quan hệ giữa thần dân và hoàng đế, nhất là giai đoạn trước Pêtr[27], được xây dựng trên sự tin tưởng lẫn nhau và ước muốn chân thành về lợi ích cho cả hai bên. “Nhưng”, ông giả định, “người ta sẽ bảo chúng ta: nhân dân hay chính quyền có thể phản bội. Cần phải có bảo đảm!”. Và ông đã trả lời: “Không cần bảo đảm! Bảo đảm là xấu. Nơi nào cần bảo đảm thì nơi đó không còn gì là tốt lành nữa; thà chết còn hơn là sống cuộc sống không còn cái tốt, phải dùng cái xấu để bảo vệ”. Sự phủ nhận tính tất yếu của những bảo đảm về mặt pháp luật, thậm chí coi những bảo đảm như thế là xấu đã thúc giục B. N. Almazov[28] , một nhà thơ trào phúng, cho K. S. Aksakov đọc một bài thơ bắt đầu như sau:

Vì những nguyên nhân nội tại

Chúng ta không có

Tư tưởng luật pháp lành mạnh,

Con đẻ của quý sứ.

Tâm hồn rộng mở của người Nga

Lý tưởng của chúng ta

Không thể chui vào những hình thức chật hẹp

Của các nguyên tắc pháp luật....

Bài thơ này, có hơi thổi phồng, về thực chất đã nói đúng quan niệm của K. S. Aksakov và những người thân Slav khác.

Sẽ là sai lầm khi cho rằng thái độ coi thường ý nghĩa của các nguyên tắc pháp luật đối với đời sống xã hội chỉ là đặc trưng của những người thân Slav. Ở những người thân Slav điều này được thể hiện dưới hình thức quyết liệt nhất và được các hậu duệ của họ đưa đến mức cực đoan nhất, thí dụ ông K. N. Leontiev[29] gần như đã ca ngợi người Nga vì họ không có “tính trung thực sách vở” như những người tư sản Tây Âu. Nhưng chúng ta biết rằng Gersen nhận thấy việc không có trật tự pháp luật lại là ưu thế của chúng ta. Và phải công nhận rằng không nhận thức được ý nghĩa của các tiêu chuẩn pháp lý đối với đời sống xã hội là đặc điểm chung của giới trí thức của chúng ta...

**3. Cơ sở của trật tự pháp luật bền vững là quyền tự do cá nhân và sự bất khả xâm phạm của cá nhân con người.** Dường như giới trí thức Nga có đầy đủ lý do để quan tâm đến các quyền của cá nhân. Từ xa xưa, ở nước ta người ta đã công nhận rằng toàn bộ sự phát triển của xã hội phụ thuộc vào việc là cá nhân có vị trí như thế nào. Vì vậy ngay cả việc thay đổi các xu hướng xã hội cũng được thể hiện bằng việc thay đổi công thức nói về cá nhân. Người ta đưa ra hết công thức này đến công thức khác: người có tư duy phê phán, có ý thức, phát triển toàn diện, có tinh thần cách mạng, có đạo đức, có đức tin tôn giáo, tự hoàn thiện. Có cả những xu hướng ngược lại, đây là những xu hướng muốn hòa tan cá nhân vào quyền lợi xã hội, tuyên bố cá nhân là *quantité négligeable*[30] và bảo vệ con người của cộng

đồng. Cuối cùng, thời gian gần đây, những người theo tư tưởng của Nietzsche[31], của Stirner[32] và chủ nghĩa vô chính phủ đã đưa ra những khẩu hiệu mới về con người cá nhân tự cấp tự túc, con người ích kỷ và con người siêu nhân. Thật khó có lĩnh vực nào được khảo sát kỹ lưỡng và toàn diện như lý tưởng về nhân cách và có thể cho rằng chẳng còn gì mà nghiên cứu nữa. Nhưng chính chúng ta lại khẳng định một lỗ hổng cực kỳ to lớn vì nhận thức xã hội của chúng ta chưa từng đưa ra lý lưỡng về nhân cách pháp luật. Cả hai khía cạnh của lý tưởng này: con người được pháp luật đưa vào kỷ cương bằng một trật tự pháp luật ổn định và con người được phú cho tất cả các quyền và được tự do sử dụng các quyền đó, là những khái niệm xa lạ với nhận thức của giới trí thức của chúng ta.

Một loạt các sự kiện cho thấy lời khẳng định trên là đúng. Các lãnh tụ tinh thần của giới trí thức Nga đã nhiều lần hoặc hoàn toàn coi thường các quyền lợi về pháp luật của cá nhân hoặc có thái độ thù địch với các quyền lợi đó. Thí dụ, một trong những luật gia kiêm tư tưởng gia nổi tiếng của chúng ta là K. D. Kavelin[33] đã quan tâm rất nhiều đến vấn đề cá nhân nói chung: trong bài báo Khảo sát đời sống pháp luật của nước Nga cổ đại trên tờ Người đương thời in năm 1847, ông đã ghi nhận lần đầu tiên rằng trong lịch sử thiết chế pháp luật Nga, cá nhân đã bị gia đình, làng xóm và nhà nước che lấp và chẳng có một quy định pháp luật nào; sau đó, từ cuối những năm 60 (thế kỷ XIX- ND) ông chuyển sang nghiên cứu các vấn đề tâm lý và đức dục với hy vọng sẽ tìm được trong lý giải mang tính lý thuyết quan hệ giữa cá nhân và xã hội phương tiện giải quyết một cách đúng đắn tất cả

các vấn đề cấp bách của xã hội. Nhưng điều này cũng không ngăn cản ông, ngay trong giai đoạn quyết liệt nhất hồi đầu những năm 60, khi lần đầu tiên câu hỏi về việc hoàn thành cuộc cải cách của Alexander II[34], tỏ thái độ bàng quan không thể tưởng tượng nổi đối với việc bảo đảm các quyền của cá nhân. Trong cuốn sách mỏng giấu tên in ở Berlin năm 1862 và nhất là trong thư từ trao đổi với Gersen, ông đã kịch liệt phê phán các dự thảo hiến pháp do các hội nghị quý tộc thời đó đưa ra; ông cho rằng quý tộc sẽ là đại diện của nhân dân và chính phủ nhân dân sẽ gồm toàn quý tộc và vì vậy sẽ dẫn đến sự thống trị của quý tộc. Ông đã phủ nhận chế độ lập hiến nhân danh khát vọng dân chủ, nhưng như thế là ông đã coi thường giá trị pháp lý của nó. Đối với K. D. Kavelin, như ông nói trong bức thư, dường như không tồn tại cái mà chúng ta coi là chân lý không thể tranh cãi, đây là tự do và quyền bất khả xâm phạm của cá nhân chỉ có thể được thực hiện dưới chính thể lập hiến vì nói chung tư tưởng về cuộc đấu tranh cho quyền cá nhân là hoàn toàn xa lạ đối với ông.

Trong những năm 70 (thế kỷ XIX - ND) thái độ bàng quan đối với các quyền cá nhân, đôi khi còn chuyển hóa thành thái độ thù địch, không những đã gia tăng mà còn được biện hộ về mặt lý thuyết nữa. N. K. Mikhailovski[35], chắc chắn là người đại diện nổi bật nhất của giai đoạn này, thay mặt cho thế hệ mình, đưa ra một câu trả lời điển hình rõ ràng và chính xác cho câu hỏi mà chúng ta quan tâm. Ông tuyên bố thẳng thừng rằng “tự do là một ý tưởng vĩ đại và đầy cảm dỗ, nhưng chúng ta không thích tự do nếu nó, giống như ở châu Âu, chỉ làm gia tăng món nợ

kéo dài hàng thế kỷ của chúng ta đối với nhân dân” và nói thêm: “tôi biết chắc rằng mình đã thể hiện được một tư tưởng thân thiết nhất và chân thành nhất của thời đại chúng ta, cái tư tưởng đã tạo cho những năm 70 diện mạo điển hình và vì nó mà những năm 70 đã tạo ra số lượng nạn nhân khủng khiếp, không thể nào đếm hết được[36]”. Sự phủ nhận chế độ pháp quyền đã được nâng thành hệ thống có căn cứ xác định và phát triển. Mikhailovski biện hộ cho hệ thống này như sau: “Là những người có thái độ hoài nghi đối với nguyên tắc tự do, chúng ta sẵn sàng không tranh giành bất cứ quyền nào cho mình, ngay cả những điều sơ đẳng nhất mà ngày xưa người ta gọi là quyền tự nhiên, chứ không chỉ đặc quyền đặc lợi, chuyện này thì chẳng có gì để nói. Chúng ta hoàn toàn chấp nhận sự thô lậu của luật pháp và chịu đựng mọi tai ương hoạn nạn. Tất nhiên sự từ bỏ này, có thể nói, mang tính cao thượng vì có ai đưa cho chúng ta cái gì ngoài sự thô lậu đâu, nhưng tôi nói về tâm trạng mà cái tâm trạng này đã đạt đến mức giới hạn, thậm chí không thể tưởng tượng nổi, lịch sử đã cho thấy như thế. ‘Mặc kệ họ đánh, nông dân bị đánh là đáng lắm’, có thể thể hiện cái tâm trạng đó một cách gần đúng, ở mức độ quá quát nhất của nó. Tất cả chỉ để nhằm một cơ hội, cái cơ hội mà chúng ta đã để cả tâm trí vào, mà cụ thể là cơ hội chuyển trực tiếp sang một trật tự cao hơn, tốt hơn, bỏ qua giai đoạn trung gian của tiến trình phát triển ở châu Âu, tức là bỏ qua giai đoạn nhà nước tư bản. Chúng ta tin rằng nước Nga có thể thiết lập cho mình một con đường lịch sử mới, khác hẳn với châu Âu, mà đối với chúng ta thì điều quan trọng không phải là một con đường mang tính dân tộc nào đó mà là con đường tốt đẹp, và chúng ta công nhận là tốt đẹp khi đấy là con đường cải tạo một

cách tự giác và thực tế diện mạo dân tộc cho phù hợp với quyền lợi của nhân dân[37]”.

Đây là những luận điểm chủ yếu của thế giới quan dân túy liên quan đến các vấn đề pháp quyền. Mikhailovski và những người thuộc thế hệ ông từ chối quyền tự do chính trị và chế độ lập hiến để nhắm tới cơ hội đưa một cách trực tiếp nước Nga sang chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhưng toàn bộ cái học thuyết xã hội học này lại được xây dựng trên sự mù tịt về bản chất của chế độ lập hiến. Kavelin phản đối các dự án hiến pháp vì vào thời của ông, đại diện của nhân dân hóa ra lại là đại diện của quý tộc, còn Mikhailovski phản đối chế độ lập hiến vì cho rằng đây là nhà nước tư bản. Do sự yếu kém của nhận thức pháp quyền cổ hữu của giới trí thức của chúng ta mà cả hai ông đều chỉ chú ý đến khía cạnh xã hội của chế độ lập hiến mà không nhận thấy tính chất pháp quyền của nó, bản chất của nó trước hết là nhà nước pháp quyền. Mà tính chất pháp quyền của nhà nước hiến định được thể hiện rõ nhất trong việc bảo vệ cá nhân, bảo vệ quyền bất khả xâm phạm và tự do của cá nhân.

**4. Trong ba định nghĩa về quyền, chiếu theo nội dung của các quy phạm pháp luật, tức là các quy phạm quy định và giới hạn quyền tự do (trường phái quyền tự nhiên và các nhà triết học duy tâm Đức) - quy phạm giới hạn quyền lợi (Ihering), và cuối cùng là quy phạm tạo ra sự thỏa hiệp giữa các đòi hỏi khác nhau (Adolphe Merkle[38]), thì định nghĩa thứ ba đáng được chú ý hơn cả, nếu xét về mặt xã hội học. Trong nhà nước hiến định hiện đại, bất kỳ đạo luật mới được**

ban hành nào, đây là nói những đạo luật có một chút giá trị nào đó, cũng đều là kết quả của sự thỏa hiệp giữa các đảng phái, tức là những tổ chức biểu đạt yêu cầu của các nhóm xã hội hoặc giai cấp mà họ làm đại diện. Chính nhà nước hiện đại cũng được xây dựng trên cơ sở của thỏa hiệp và hiến pháp của mỗi nhà nước cũng là sự thỏa hiệp nhằm dung hòa khát vọng của những nhóm xã hội khác nhau của quốc gia. Vì vậy mà nhà nước hiện đại, nếu xét từ quan điểm kinh tế-xã hội thì thường là chế độ tư bản, nhưng cũng có thể là quý tộc, thí dụ như nước Anh trước cuộc cải cách về bầu cử được thực hiện vào năm 1832 vốn là nhà nước hiến định nhưng lại do tầng lớp quý tộc nắm quyền; còn Phổ, mặc dù đã có hiến pháp cách đây 60 năm, nước này vẫn mang bản chất quý tộc nhiều hơn là tư bản. Nhà nước hiến định cũng có thể là của nông dân hoặc công nhân, như chúng ta thấy ở New Zealand hay Na Uy. Cuối cùng, nhà nước có thể không có màu sắc giai cấp nhất định, đây là khi đạt được sự quân bình giữa các giai cấp, không có giai cấp nào chiếm được ưu thế. Nhưng nếu nhà nước hiến định hiện đại được xây dựng trên sự thỏa hiệp ngay cả về mặt tổ chức xã hội thì nó lại càng như thế về mặt tổ chức chính trị và pháp luật. Điều đó cho phép ngay cả những người xã hội chủ nghĩa, tức là những người phủ nhận nhà nước hiến định về mặt nguyên tắc vì họ coi đây là nước tư bản, dễ dàng an cư lạc nghiệp và tham gia vào hoạt động lập pháp, dễ dàng sử dụng nhà nước như phương tiện của mình. Vì vậy mà Kavelin và Mikhailovski có lý khi cho rằng nhà nước hiến định ở nước Nga sẽ là quý tộc hay tư bản; nhưng họ đã sai khi rút ra kết luận rằng không thể đội trời chung với nó và

không thể chấp nhận nó ngay cả như một sự thỏa hiệp, trong khi những người xã hội chủ nghĩa khắp thế giới sẵn sàng thỏa hiệp với nhà nước hiến định.

Nhưng quan trọng nhất là, như đã nói bên trên, Kavelin và Mikhailovski cũng như toàn thể giới trí thức theo đuôi họ đã hoàn toàn bỏ qua bản chất pháp quyền của nhà nước hiến định. Nhưng nếu chúng ta tập trung chú ý vào khía cạnh tổ chức pháp luật của nhà nước hiến định thì để làm rõ bản chất của nó, chúng ta phải chú ý đến khái niệm pháp quyền dưới dạng thuần khiết của nó, nghĩa là nội dung thật sự của nó, chứ không phải rút ra từ các quan hệ kinh tế và xã hội. Lúc đó nói rằng pháp quyền phân định rõ quyền lợi hoặc tạo ra thỏa hiệp là chưa đủ mà phải dứt khoát khẳng định rằng pháp quyền chỉ có khi có tự do cá nhân mà thôi. Theo ý nghĩa này thì trật tự pháp luật là hệ thống các quan hệ trong đó tất cả các thành viên của xã hội đều có quyền tự do hành động và tự quyết cao nhất. Nhưng cũng theo ý nghĩa này thì chế độ pháp quyền không được đối lập với chế độ xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, hiểu một cách sâu sắc cả hai sẽ đưa ta đến kết luận rằng chúng liên kết mật thiết với nhau và chế độ xã hội chủ nghĩa, xét về mặt luật học, chính là chế độ pháp quyền được thực hiện một cách nhất quán hơn cả. Mặt khác, chế độ xã hội chủ nghĩa chỉ có thể trở thành hiện thực khi tất cả các cơ quan của nó đều có một định nghĩa hoàn toàn chính xác về mặt pháp lý.

Giới trí thức Nga vốn có nhận thức yếu kém về pháp quyền, cũng như các lãnh tụ của nó là Kavelin và Mikhailovski, không thể đưa ra được định nghĩa về pháp quyền - cho chế độ dân chủ, đối với Kavelin và cho chế độ xã hội chủ nghĩa, đối



với Mikhailovski. Họ còn từ chối bảo vệ ngay cả trật tự pháp lý tối thiểu, Kavelin thì chống lại hiến pháp, còn Mikhailovski thì có thái độ hoài nghi đối với quyền tự do chính trị. Nói cho ngay, các sự kiện hồi cuối những năm 70 đã buộc những người dân tụy tiến bộ, trong đó có Mikhailovski, đứng lên đấu tranh cho quyền tự do chính trị. Nhưng đây là cuộc đấu tranh mà những người dân tụy buộc phải làm vì hoàn cảnh và nhu cầu lịch sử chứ không phải là do sự phát triển tư tưởng của chính họ cho nên không thể dẫn tới thành công được. Chủ nghĩa anh hùng cá nhân của các đảng viên đảng Ý dân không thể bù đắp được những khiếm khuyết căn bản về tư tưởng không những của phong trào dân tụy mà của cả giới trí thức Nga nói chung. Giai đoạn phản động hồi nửa sau những năm 80 còn ảm đạm và tăm tối hơn vì trong khi không có bất kỳ căn cứ và bảo đảm pháp lý nào cho một đời sống xã hội bình thường, trí thức nước ta thậm chí còn không nhận thức được một cách rõ ràng vực thẳm của sự vô quyền của nhân dân Nga nữa. Không hề có một định thức lý thuyết nào đủ sức xác định được sự vô quyền đó.

Chỉ sau khi có một làn sóng hướng về phương Tây cùng với chủ nghĩa Marx nổi lên vào đầu những năm 90 thì nhận thức pháp quyền của giới trí thức Nga mới bắt đầu mở mang thêm được một chút. Giới trí thức Nga bắt đầu tiếp thu những chân lý sơ đẳng của người châu Âu, và lúc đó các chân lý sơ đẳng này đã có tác động với họ chẳng khác gì những mặc khải vĩ đại nhất. Cuối cùng, giới trí thức nước ta đã nhận ra rằng mọi cuộc đấu tranh xã hội đều là đấu tranh chính trị cả, rằng tự do chính trị là tiền đề cho chế độ xã hội chủ nghĩa, rằng nhà nước hiến định, dù nằm

dưới sự cai trị của giai cấp tư sản đi nữa, sẽ cung cấp cho giai cấp công nhân không gian rộng lớn hơn cho cuộc đấu tranh vì quyền lợi của mình, rằng giai cấp công nhân cần trước hết là quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do ngôn luận, tự do đình công, tự do hội họp và lập hội, rằng cuộc đấu tranh vì quyền tự do chính trị là nhiệm vụ đầu tiên và thiết yếu nhất của bất kỳ đảng xã hội chủ nghĩa nào, v.v... Có thể hy vọng rằng cuối cùng thì giới trí thức của chúng ta cũng công nhận những giá trị bất biến của cá nhân và đòi phải thực hiện các quyền và quyền bất khả xâm phạm của cá nhân. Nhưng hóa ra là những khiếm khuyết trong nhận thức pháp quyền của giới trí thức của chúng ta là rất khó khắc phục. Mặc dù đã trải qua trường mác-xít nhưng thái độ của nó đối với pháp quyền vẫn y như cũ. Có thể nhận thấy điều đó qua những tư tưởng đang giữ thế thượng phong trong đảng Dân chủ-xã hội mà cách đây chưa lâu đa số trí thức đã hòa theo. Về mặt này thì các biên bản của cái gọi là đại hội II đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga họp tại Bruxelles vào tháng 8 năm 1903 để soạn ra cương lĩnh và nội quy của đảng là những tài liệu rất đáng được quan tâm. Đại hội lần thứ nhất tại Minsk vào năm 1898 không để lại biên bản nào; tuyên ngôn được công bố sau đó cũng không được Đại hội thông qua mà do P. B. Struve[39] soạn theo đề nghị của một ủy viên Ban chấp hành Trung ương. Như vậy là Toàn tập biên bản Đại hội II đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga xuất bản ở Geneva vào năm 1903 là di sản đầu tiên, nếu tính về thời gian và vì vậy mà đặc biệt đáng chú ý, về tư duy của một bộ phận giới trí thức Nga, những người đã tự động đứng vào hàng ngũ của đảng Dân chủ-xã hội, về vấn đề pháp quyền và dân chủ. Việc các biên bản này thể hiện ý kiến của

giới trí thức chứ không phải là của các đảng viên “đảng công nhân” theo đúng nghĩa của từ này đã được một người tham gia đại hội và là một trong các lãnh tụ tinh thần của phong trào dân chủ-xã hội Nga thời đó, tức là ông Starover[40] (A. H. Potresov) viết trong bài báo Bàn về chủ nghĩa Marx trong các nhóm và về phong trào dân chủ-xã hội của giới trí thức[41].

### Bìa sách Bàn về tinh thần pháp luật

Ở đây, chúng ta không thể ghi nhận hết các trường hợp thảo luận, khi mà sự thiếu vắng ý thức pháp quyền và sự thiếu hiểu biết ý nghĩa của sự thật pháp lý của một số đại biểu đã làm người ta phải kinh hoàng. Chỉ cần nói rằng ngay cả các lãnh tụ tinh thần và lãnh đạo đảng cũng thường bảo vệ những quan điểm trái ngược với các nguyên tắc pháp quyền. Thí dụ như G. V. Plekhanov[42], người đã có đóng góp nhiều nhất trong việc tố cáo các ảo tưởng dân túy của giới trí thức Nga, người có công soạn thảo ra các nguyên tắc dân chủ-xã hội trong suốt hai mươi năm qua và được công nhận một cách xứng đáng là lý thuyết gia nổi tiếng của đảng, đã phát biểu trước đại hội về tính tương đối của tất cả các nguyên tắc dân chủ, tức đồng nghĩa với việc phủ nhận trật tự pháp luật ổn định và bền vững và phủ nhận ngay chính chế độ lập hiến. Theo ông thì “từng nguyên tắc dân chủ phải được xem xét không phải theo lối trừu tượng mà phải xem xét trong quan hệ với nguyên tắc có thể gọi là nguyên tắc căn bản của dân chủ, mà cụ thể là nguyên tắc nói rằng *salus populi suprema lex*[43]. Dịch sang ngôn ngữ của nhà cách mạng, câu đó có nghĩa là: thắng lợi của cách mạng là trên hết. Và sẽ là có tội nếu không tạm thời giới hạn

hiệu lực của một nguyên tắc dân chủ nào đó nếu việc giới hạn đó có ích cho sự nghiệp của cách mạng. Xin nói ý kiến cá nhân tôi rằng ngay cả nguyên tắc phổ thông đầu phiếu cũng phải được xem xét từ nguyên tắc dân chủ căn bản mà tôi vừa nói bên trên. Có thể giả định trường hợp, khi chúng ta, những người dân chủ-xã hội đưa ra ý kiến phản đối quyền phổ thông đầu phiếu.

Giai cấp tư sản Ý đã từng tước bỏ quyền chính trị của những người thuộc giới quý tộc. Giai cấp vô sản cách mạng cũng có thể giới hạn quyền chính trị của các đảng cấp trên tương tự như các đảng cấp bên trên đã từng hạn chế quyền chính trị của vô sản vậy. Lợi ích của biện pháp trên chỉ có thể được xem xét từ nguyên tắc *salus revolutiae suprema lex*[44]. Chúng ta phải đứng trên quan điểm này ngay cả khi nói về vấn đề thời hạn của quốc hội. Nếu nhân dân, trong cao trào cách mạng, bầu được một quốc hội tốt - theo kiểu *chambre introuvable*[45] - thì chúng ta cần phải làm cho nó sống lâu, còn nếu các cuộc bầu cử tỏ ra là không thành công thì chúng ta phải tìm cách giải tán, không phải sau hai năm mà nếu có thể thì sau hai tuần[46]”.

Tư tưởng về thể thượng phong của bạo lực và quyền lực cướp đoạt được chứ không phải tư tưởng về sự thượng tôn của pháp luật được tuyên xưng trong bài phát biểu này quả là một tư tưởng cực kỳ quái đản. Ngay cả một số đại biểu Đại hội, những người đã quen khuất phục những lực lượng xã hội, cũng tỏ ra bất mãn với cách đặt vấn đề như thế. Một số người chứng kiến kể lại rằng sau bài phát biểu, một số người thuộc phái BUND[47], tức là những đại diện cho các thành

phần xã hội thân phương Tây hơn, đã hô lớn: “Đồng chí Plekhanov có tước quyền tự do ngôn luận và quyền bất khả xâm phạm của tư sản không?”. Nhưng đây không phải là những lời phát biểu chính thức nên không được ghi vào biên bản. Tuy nhiên cần ghi nhận rằng một vài diễn giả, những người thuộc phái thiểu số, sau đó đã tuyên bố phản đối bài phát biểu của Plekhanov. Ông Egorov, một đại biểu của Đại hội, đã nhận xét rằng “quy luật của chiến tranh là một chuyện, còn quy luật của hiến pháp lại là chuyện khác, đồng chí Plekhanov quên là những người dân chủ xã hội thiết lập cương lĩnh của mình trên cơ sở của hiến pháp”. Ông Goldblat, một đại biểu khác, thì cho rằng bài phát biểu của Plekhanov là “sự thất bại của chiến thuật tư sản. Nếu là người nhất quán, theo Plekhanov, ta phải loại bỏ đòi hỏi quyền phổ thông đầu phiếu ra khỏi cương lĩnh của phong trào dân chủ-xã hội”.

Dù sao mặc lòng, bài phát biểu nói trên của Plekhanov, không nghi ngờ gì nữa, là chỉ dấu chứng tỏ không chỉ mức độ nhận thức pháp quyền cực kỳ thấp của giới trí thức của chúng ta mà còn cho thấy xu hướng muốn xuyên tạc nó nữa. Ngay cả các lãnh tụ lỗi lạc nhất của nó cũng sẵn sàng nhân danh những lợi ích ngắn hạn mà từ bỏ những nguyên tắc hiển nhiên của chế độ pháp quyền. Dễ hiểu là với nhận thức pháp quyền như thế, giới trí thức Nga trong giai đoạn đấu tranh giải phóng, trên thực tế, đã không thể thực hiện được ngay cả những quyền sơ đẳng nhất của con người, đây là tự do ngôn luận và tự do hội họp. Trong các cuộc mít tinh của chúng ta, chỉ những diễn giả được lòng đám đông mới có quyền tự do ngôn luận, những

người có tư duy khác biệt với đám đông thường bị bịt miệng bởi những tiếng hò hét, huýt sáo, tiếng kêu “đủ rồi”, thậm chí đôi khi còn bị tác động vào thân thể nữa. Việc tổ chức các cuộc mít tinh đã trở thành đặc quyền của một vài nhóm người và vì vậy mà đa số các cuộc mít tinh đã mất một phần ý nghĩa và cuối cùng thì chẳng còn ai coi trọng nữa. Rõ ràng là, từ đặc quyền tổ chức mít tinh và quyền tự do ngôn luận của một số ít người trong những cuộc mít tinh như thế không thể nào hình thành được tự do ngôn luận thật sự trong việc thảo luận những vấn đề chính trị; từ đó chỉ có thể hình thành một kiểu đặc quyền khác, tức là đặc quyền của các nhóm đối lập trong việc xin phép tổ chức mít tinh mà thôi.

Nhận thức què quặt về pháp quyền cũng là nguyên nhân dẫn đến kết quả yếu kém đáng kinh ngạc về mặt lập pháp trong những năm cách mạng (1905-1907 - ND). Trong những năm đó, giới trí thức Nga đã thể hiện sự mù tịt về quá trình lập pháp; họ không biết ngay cả chân lý cơ bản là không thể bãi bỏ một cách đơn giản pháp luật cũ được vì việc bãi bỏ chỉ có hiệu quả khi nó được thay bằng pháp luật mới. Ngược lại, việc bãi bỏ một cách đơn giản chỉ có thể dẫn tới sự kiện là tạm thời dường như nó không có hiệu lực nhưng sau đó nó sẽ được phục hồi hoàn toàn. Điều này thể hiện rõ ở việc thực hiện một cách tùy tiện quyền tự do hội họp. Giới trí thức của chúng ta hóa ra đã không có khả năng thiết lập ngay lập tức khuôn khổ pháp lý cho quyền tự do này. Thậm chí, trong những cuộc tranh luận tại Duma quốc gia thứ nhất về “dự luật” tự do hội họp, người ta còn định nâng sự thiếu vắng bất kỳ hình thức pháp lý nào về tự do hội họp thành luật nữa. Nhân những vụ tranh

luận này, một đại biểu Duma cũng là một luật sư nổi tiếng đã có nhận xét hoàn toàn đúng rằng “việc tuyên bố một cách trụi lủi quyền tự do hội họp trên thực tế có thể dẫn đến kết quả là trong một số trường hợp nhân dân có thể đứng lên chống lại việc lạm dụng quyền này. Dù các cơ quan hành pháp có chưa hoàn thiện đến đâu thì giao cho nó việc bảo vệ các công dân khỏi sự lạm dụng này vẫn an toàn hơn và đúng hơn là để mặc cho các cá nhân trấn áp lẫn nhau”. Theo ông thì “chính những người, về mặt lý thuyết, đứng ra bảo vệ việc sự không can thiệp của quan chức chính phủ, trên thực tế lại phàn nàn và trách cứ các bộ trưởng vì chính quyền không can thiệp để bảo vệ quyền tự do và cuộc sống của những cá nhân riêng lẻ”. “Sự thiếu nhất quán như thế”, ông nói thêm, “là do thiếu kiến thức pháp luật mà ra[48]”. Bây giờ thì chúng ta được chứng kiến ngay tại kỳ họp thứ ba của Duma quốc gia mọi người cũng không được hưởng hoàn toàn quyền tự do ngôn luận vì trong khi thảo luận cùng một vấn đề thì đảng cầm quyền và đảng đối lập đã không có quyền tự do ngôn luận như nhau. Điều này còn đáng buồn hơn nữa vì cơ quan đại diện của nhân dân, không phụ thuộc vào thành phần của nó, ít nhất cũng phải thể hiện được lương tâm của toàn dân, tối thiểu là thể hiện được đức hạnh của nó.

**5. Nhận thức pháp quyền của bất cứ dân tộc nào cũng được thể hiện trong khả năng tạo ra các tổ chức và thiết lập các hình thức hoạt động cho các tổ chức đó.** Không thể có các tổ chức và hình thức hoạt động của chúng nếu không có các quy phạm pháp luật điều chỉnh chúng, vì vậy việc hình thành các tổ chức nhất thiết phải đi kèm với việc soạn thảo các quy phạm pháp luật. Nhân dân Nga

nói chung không phải là không có tài tổ chức, không nghi ngờ gì rằng họ còn có tạo ra những tổ chức cực kỳ chặt chẽ nữa, ước muốn sống theo lối công xã, ruộng đất công xã, tập đoàn sản xuất... đã chứng tỏ điều đó. Nhận thức về đúng và sai trong tâm hồn người dân quyết định đời sống và cách xây dựng các tổ chức này. Bản chất nội tại của nhận thức pháp quyền của nhân dân Nga là nguyên nhân của quan niệm sai lầm về thái độ của dân chúng đối với pháp luật. Nó tạo cơ sở cho trước tiên là những người thân Slav và sau đó là những người dân tụy cho rằng nhân dân Nga xa lạ với các “nguyên tắc pháp lý”; rằng dựa vào nhận thức nội tâm, họ chỉ hành động theo các tiêu chuẩn đạo đức mà thôi. Dĩ nhiên là trong nhận thức của nhân dân Nga, các tiêu chuẩn luật pháp và tiêu chuẩn đạo đức vẫn còn chưa được tách biệt và vẫn còn liên kết chặt chẽ với nhau. Đây cũng là nguyên nhân của sự khiếm khuyết trong luật thông thường của nhân dân Nga; nó không có sự thống nhất và hơn nữa còn xa lạ với tiêu chuẩn của bất kỳ luật pháp thông thường nào: một cách áp dụng duy nhất cho mọi hoàn cảnh.

Nhưng chính vì thế mà giới trí thức phải giúp đỡ nhân dân, thúc đẩy cho sự phân hóa các tiêu chuẩn của luật pháp thông thường cũng như áp dụng luật một cách ổn định và phát triển luật pháp một cách có hệ thống. Chỉ khi đó giới trí thức dân tụy mới có thể thực hiện được nhiệm vụ đặt ra là củng cố và phát triển các nguyên tắc của công xã, đồng thời tạo điều kiện để nâng nó lên thành những hình thức cao hơn, tiến dần lên chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan niệm sai lầm, tức là ý kiến cho rằng nhận thức của nhân dân ta hoàn toàn theo hướng đạo đức là trở lực cho việc



thực hiện nhiệm vụ này và dẫn ước mơ của trí thức đến chỗ phá sản. Không thể xây dựng được một hình thức xã hội cụ thể nào nếu dựa trên cơ sở luân lý như thế. Đây là quan niệm trái tự nhiên, nó sẽ dẫn tới việc tiêu diệt và làm mất uy tín của đạo đức và sẽ làm cùn mòn thêm nhận thức pháp quyền.

Bất kỳ tổ chức xã hội nào cũng cần các tiêu chuẩn pháp lý, nghĩa là cần những quy định điều chỉnh không phải phẩm hạnh của con người, vốn là nhiệm vụ của luân lý mà là những quy định điều chỉnh hành vi bên ngoài của họ. Mặc dù các tiêu chuẩn pháp lý điều chỉnh hành vi bên ngoài của chúng ta nhưng chúng không sống ở bên ngoài mà sống trước hết trong nhận thức của chúng ta và là thành tố nội tại của tâm hồn con người, giống như các tiêu chuẩn đạo đức vậy. Chỉ khi được thể hiện trong các điều khoản luật pháp hoặc được áp dụng vào đời sống thì chúng mới có đời sống ngoại tại mà thôi. Nhưng khi bỏ qua nhận thức bên trong hay như bây giờ người ta gọi là luật trực giác, giới trí thức của chúng ta đã coi luật pháp chỉ là các tiêu chuẩn bên ngoài, thiếu sức sống, tức là các tiêu chuẩn được đưa một cách dễ dàng vào các điều khoản, các mục của luật pháp hay quy định thành văn nào đó. Điều đặc biệt là bên cạnh ước muốn xây dựng những hình thức xã hội phức tạp chỉ trên cơ sở các nguyên tắc đạo đức thì trong các tổ chức của mình, giới trí thức của chúng ta lại tỏ ra cực kỳ say mê các quy tắc mang tính hình thức và những quy định rất cụ thể; trong trường hợp này họ đã thể hiện sự tin tưởng quá đáng vào các điều và các khoản của nội quy của tổ chức. Hiện tượng này, chứng tỏ một sự mâu thuẫn rất khó hiểu, có nguyên nhân ở chỗ giới trí thức của chúng ta coi tiêu chuẩn

pháp lý không phải là nhận thức mà chỉ là các nguyên tắc được viết ra giấy mà thôi.

Chúng ta bắt gặp ở đây một trong những biểu hiện điển hình nhất của trình độ nhận thức pháp quyền yếu kém. Như mọi người đều biết, xu hướng đưa ra các quy định chi tiết và điều chỉnh toàn bộ đời sống xã hội bằng những điều luật thành văn là bản chất của nhà nước cảnh sát, nó chính là chỉ dấu phân biệt với nhà nước pháp quyền. Có thể nói rằng nhận thức pháp quyền của giới trí thức của chúng ta đang ở trong giai đoạn phát triển tương đương với các hình thức của nhà nước cảnh sát. Tất cả các đặc điểm phổ biến của nhà nước cảnh sát đều được thể hiện trong các xu hướng hướng đến chủ nghĩa hình thức và quan liêu trong giới trí thức của chúng ta. Người ta thường đặt chế độ quan liêu đối lập với giới trí thức và về mặt nào đó thì đúng là như thế. Nhưng sẽ xuất hiện một loạt câu hỏi trong sự so sánh như thế: giới quan liêu có xa lạ với giới trí thức đến như thế hay không, giới quan liêu của chúng ta chẳng phải là hậu duệ của giới trí thức hay sao, giới quan liêu không sống bằng nguồn sữa từ giới trí thức hay sao và cuối cùng, liệu giới trí thức có lỗi không khi mà ở nước ta đã hình thành nên một bộ máy quan liêu hùng mạnh đến như thế? Không còn nghi ngờ nữa rằng toàn bộ giới trí thức của chúng ta đã nhiễm thói quan liêu trí thức. Thói quan liêu này được thể hiện trong tất cả các tổ chức của trí thức, đặc biệt là trong các đảng phái chính trị của nó.

Các chính đảng của chúng ta xuất hiện trong giai đoạn trước cách mạng (1905-1907 - ND). Tham gia vào các đảng đó là những người chân thành, với những mơ

ước đầy lý tưởng, những người không có thành kiến và đã phải chịu nhiều hy sinh. Tưởng rằng những người này có thể đưa được một phần lý tưởng của mình vào các tổ chức tự do của họ. Nhưng thay vì thế chúng ta lại được chứng kiến sự bất chước chẳng khác gì nô lệ các lễ thói quái gở điển hình của đời sống quốc gia Nga.

Xin lấy ngay đảng Dân chủ-xã hội làm thí dụ. Như đã nói, điều lệ đảng được thông qua tại Đại hội lần thứ II. Điều lệ đối với tổ chức cũng tương đương như hiến pháp đối với nhà nước. Điều lệ quyết định tổ chức của đảng là cộng hòa hay quân chủ, nó quyết định tính chất quý tộc hay dân chủ cho các cơ quan trung ương, và xác định quyền của các đảng viên thường trong quan hệ với toàn đảng. Có thể cho rằng điều lệ đảng của những người tuyệt đối tin tưởng vào chế độ cộng hòa chắc chắn sẽ bảo đảm cho các đảng viên sự đảm bảo tối thiểu đối với quyền tự do ngôn luận và thể chế pháp quyền. Nhưng như đã thấy, đối với các đại diện của giới trí thức của chúng ta, khi cần không phải là tuyên bố các nguyên tắc mà là thực thi các nguyên tắc trong cuộc sống thì quyền tự quyết của cá nhân và thể chế cộng hòa chỉ là chuyện vặt, không đáng để tâm. Trong điều lệ được thông qua tại Đại hội Đảng, chẳng có một cơ quan tự do nào được thành lập hết. Martov[49], lãnh tụ của nhóm thiểu số tại Đại hội đã nói về điều lệ như sau: “Cùng với đa số thành viên Ban biên tập Ngọn lửa nhỏ, tôi nghĩ rằng Đại hội sẽ chấm dứt “tình trạng phong tỏa” trong nội bộ Đảng và thiết lập một trật tự bình thường. Trên thực tế tình trạng phong tỏa với những điều luật đặc biệt nhằm chống lại một số nhóm

vẫn tiếp tục, thậm chí còn gay gắt hơn[50]”. Nhưng điều này không làm cho Lenin, lãnh tụ phe đa số, người đòi phải thông qua điều lệ với “tình trạng phong tỏa”, lúng túng. Ông đã phát biểu như sau: “Tôi hoàn toàn không sợ những ngôn từ khủng khiếp như “tình trạng phong tỏa”, như “những điều luật đặc biệt” nhằm chống lại một vài cá nhân hay một vài nhóm, v.v... Đối những phần tử bấp bênh và dao động, chúng ta không chỉ có thể mà phải tạo ra “tình trạng phong tỏa” và toàn bộ điều lệ của chúng ta, chủ nghĩa tập trung được Đại hội thông qua chính là “tình trạng phong tỏa” đối với các nguồn gốc chính trị mơ hồ. Muốn chống lại sự mơ hồ thì cần phải có các điều luật đặc biệt và bước đi mà Đại hội đưa ra đã xác định đúng phương hướng chính trị, đã tạo cơ sở vững chắc cho những điều luật và biện pháp như thế[51]”. Nhưng nếu cái đảng gồm toàn những người trí thức theo tư tưởng cộng hòa mà còn không thể không dùng tình trạng phong tỏa và các điều luật đặc biệt thì dễ hiểu là vì sao cho đến nay nước Nga vẫn còn bị cai trị bởi cảnh sát đặc biệt và tình trạng chiến tranh.

Để thấy được các khái niệm pháp quyền đang ngự trị trong giới trí thức cấp tiến của chúng ta cần phải chỉ ra rằng điều lệ với “tình trạng phong tỏa” được thông qua chỉ với hai phiếu quá bán. Như vậy là trái với nguyên tắc pháp lý căn bản, nói rằng điều lệ cũng như hiến pháp phải được thông qua trên cơ sở quá bán tuyệt đối. Lãnh đạo phe đa số của Đại hội đã không thỏa hiệp ngay cả khi mọi người đều thấy rằng việc thông qua điều lệ với tình trạng phong tỏa như thế sẽ dẫn đến tình trạng phân liệt, một tình trạng buộc người ta phải thỏa hiệp. Kết quả đã dẫn

đến sự chia rẽ giữa những người “bolshevik” và những người “melshevik”. Nhưng thú vị nhất là cái điều lệ vốn là nguyên nhân của sự chia rẽ cũng hoàn toàn không thể áp dụng được trên thực tế. Vì vậy, chưa đến hai năm sau, tức là vào năm 1905, tại Đại hội III, gồm toàn những người “bolshevik” (những người “melshevik” từ chối tham gia để phản đối cách bầu đại biểu dự Đại hội), điều lệ thông qua năm 1903 bị hủy bỏ, một điều lệ khác, có thể chấp nhận được với cả những người “melshevik”, đã được thông qua. Nhưng điều này đã không dẫn đến sự thống nhất của đảng. Xuất phát điểm chỉ là vấn đề tổ chức, “melshevik” và “bolshevik” đã đẩy sự thù địch đến mức cao nhất, tức là sang tất cả các vấn đề sách lược. Ở đây các quy luật tâm lý-xã hội đã bắt đầu có hiệu lực, và kết quả sẽ là: một khi mâu thuẫn và sự thù nghịch giữa con người với nhau đã xuất hiện thì vì bản chất nội tại của chúng mà chúng sẽ mở rộng và tự khoét sâu thêm mãi ra. Nói cho ngay, những người có nhận thức cao về pháp quyền sẽ đè nén được các tình cảm đó và không cho chúng mở rộng được ảnh hưởng. Nhưng chỉ có những người nhận thức một cách rõ ràng rằng mọi tổ chức và nói chung mọi sinh hoạt xã hội chỉ có thể diễn ra trên cơ sở thỏa hiệp mới làm được như thế mà thôi. Giới trí thức của chúng ta dĩ nhiên là không có khả năng đó vì trình độ nhận thức pháp quyền của họ chưa đủ để có thể công khai thừa nhận nhu cầu của thỏa hiệp, những người có tính nguyên tắc ở nước ta rất khó thỏa hiệp, nếu có thì cũng hoàn toàn dựa trên quan hệ cá nhân.

Niềm tin vào sức mạnh toàn năng của điều lệ và các biện pháp cưỡng ép không phải là tính chất của riêng những người dân chủ-xã hội Nga. Đây là căn bệnh của toàn thể giới trí thức của chúng ta. Tất cả các chính đảng của chúng ta đều thiếu nhận thức pháp quyền sống động và có hiệu lực thực sự. Chúng tôi có thể dẫn thêm những thí dụ tương tự từ một đảng xã hội chủ nghĩa nữa, tức là đảng của những người xã hội cách mạng hay các tổ chức tự do khác, như Liên minh giải phóng, nhưng đáng tiếc không thể làm được vì có quá nhiều sự kiện. Chỉ xin lưu ý một tính chất đặc thù nhất của các chính đảng của chúng ta. Đây là, không thấy ở đâu người ta nói nhiều về kỷ luật đảng như ở nước ta, trong tất cả các đảng, tại tất cả các đại hội, đều có những buổi thảo luận không dứt về các yêu cầu tuân thủ kỷ luật. Dĩ nhiên là nhiều người nói rằng các tổ chức công khai là công việc mới mẻ và quả là có một phần sự thật trong những lời biện hộ như thế. Nhưng đây không phải là toàn bộ và không phải là điểm chính. Nguyên nhân chủ yếu nhất là giới trí thức của chúng ta còn xa lạ với các quan điểm pháp quyền, tức là các quan điểm tạo ra kỷ luật ngay từ bên trong. Chúng ta cần các biện pháp kỷ luật bên ngoài vì chúng ta không có kỷ luật từ bên trong. Ở đây chúng ta cũng quan niệm pháp luật không phải là nhận thức mà là các biện pháp cưỡng bức. Và một lần nữa điều đó chứng tỏ trình độ nhận thức pháp quyền của chúng ta còn thấp.

6.

Trong khi nhận xét về nhận thức pháp quyền của giới trí thức Nga, chúng ta đã xem xét thái độ của nó trên hai bình diện: quyền cá nhân và thái độ đối với trật tự

luật pháp khách quan. Chúng ta đã thử xác định nhận thức pháp quyền thể hiện trong việc giải quyết các vấn đề tổ chức, nghĩa là các vấn đề căn bản của quyền hiến định theo nghĩa rộng nhất của từ này. Dựa vào thí dụ là các tổ chức của trí thức, chúng ta đã cố gắng tìm hiểu xem liệu trí thức của chúng ta có khả năng tham gia vào việc tái tổ chức nhà nước về mặt pháp luật, nghĩa là chuyển quyền lực nhà nước từ quyền lực của sức mạnh sang quyền lực của luật pháp hay không. Nhưng nhận xét của chúng ta sẽ không đầy đủ nếu bỏ qua thái độ của giới trí thức Nga đối với tòa án. Tòa án là cơ quan trong đó pháp luật được viện dẫn và được thiết lập. Mọi dân tộc, trước khi các tiêu chuẩn pháp luật được xác định bằng con đường lập pháp thì các tiêu chuẩn này đã được tìm kiếm và thiết lập thông qua các quyết định của tòa án. Các bên, trong khi đưa những vấn đề tranh chấp lên cho tòa án giải quyết nhằm bảo vệ quyền lợi của mình; mỗi bên đều dựa vào tiêu chuẩn pháp lý khách quan để chứng minh là “mình đúng”. Trong phán quyết của mình, quan tòa, dựa trên nhận thức pháp lý chung, đưa ra quyết định có uy tín về tiêu chuẩn pháp lý. Quan tòa chỉ có thể giữ vững được ngọn cờ pháp luật và đưa được điều luật mới vào cuộc sống khi ông ta được nhận thức pháp lý sống động và tích cực của nhân dân trợ giúp. Sau này, hoạt động lập pháp của tòa án và quan tòa đã bị hoạt động lập pháp của nhà nước lấn át. Các chế độ lập hiến đã tạo ra cơ quan lập pháp dưới hình thức cơ quan đại diện của nhân dân, tức là cơ quan có trách nhiệm thể hiện một cách trực tiếp nhận thức pháp quyền của nhân dân. Nhưng ngay cả hoạt động lập pháp của cơ quan đại diện cũng không thể loại bỏ được giá trị của tòa án trong việc giữ vững tinh thần thượng tôn pháp luật trong quốc gia.

Trong nhà nước hiến định hiện đại, tòa án chính là người bảo vệ pháp luật hiện hành; nhưng trong khi áp dụng luật pháp, tòa án còn tiếp tục là thực thể sáng tạo ra luật mới nữa. Trong mấy chục năm gần đây, chính các nhà luật học đã lưu ý đến sự kiện là tòa án vẫn giữ vai trò đó mặc dù hệ thống lập pháp hiện hành đã làm cho vai trò của tòa án có ý nghĩa cao hơn. Quan điểm mới về tòa án như thế đã bắt đầu thâm nhập vào những bộ luật mới nhất. Luật dân sự của Thụy Sĩ được cả hai Viện thống nhất ban hành ngày 10 tháng 12 năm 1907 đã thể hiện quan điểm đó bằng các thuật ngữ hiện đại; điều thứ nhất của bộ luật này nói rằng trong những trường hợp khi tiêu chuẩn pháp luật còn chưa có thì quan tòa phán xét trên cơ sở quy định mà ông tự đặt ra như thể “nếu ông là một nhà lập pháp”. Như thế nghĩa là ở các nước dân chủ và tiến bộ, quan tòa cũng được công nhận là người thể hiện nhận thức pháp quyền của nhân dân giống như đại biểu của cơ quan lập pháp vậy; đôi khi quan tòa còn có nhiều quyền hơn vì ông ta có thể tự mình quyết định, mặc dù không phải là quyết định chung cuộc vì nhờ hệ thống đa cấp mà vụ việc có thể được đưa lên tòa án cấp trên. Tất cả điều đó chứng tỏ rằng nhân dân với nhận thức pháp quyền cao cần phải quan tâm đến và kính trọng tòa án vì đây là cơ quan bảo vệ và thể hiện trật tự pháp luật của mình.

Bìa cuốn sách "Bàn về khế ước xã hội"

Giới trí thức của chúng ta có thái độ với tòa án như thế nào? Xin ghi nhận rằng việc tổ chức tòa án của chúng ta được thực hiện theo Quy chế Tòa án do Alexander II ban hành ngày 20 tháng 11 năm 1864 theo các nguyên tắc hoàn toàn



phù hợp với các yêu cầu đối với tòa án trong một nhà nước pháp quyền. Tòa án với cách tổ chức như thế có thể dùng để phổ biến trật tự pháp luật chân chính. Những người hoạt động trong lĩnh vực cải cách tòa án đã mong ước dùng những tòa án kiểu mới để chuẩn bị đưa nước Nga vào thể chế pháp quyền. Những tòa án được cải cách với thành phần nhân sự của mình đã gây được những niềm hy vọng tươi sáng nhất. Ban đầu xã hội đã tỏ ra có thiện cảm và yêu mến các tòa án kiểu mới. Nhưng nay, sau bốn mươi năm, chúng ta phải công nhận rằng đây chỉ là ảo tưởng và chúng ta vẫn chưa có các tòa án tốt. Nói cho ngay, người ta đã chỉ ra rằng ngay sau khi được đưa vào áp dụng và cho đến nay Quy chế đã bị sửa đổi mấy lần. Đúng là như thế, việc sửa chữa chủ yếu được thực hiện theo hai hướng: thứ nhất, một loạt vụ án, thường là các vụ án chính trị phải theo các hình thức điều tra và tòa án đặc biệt; thứ hai, sự độc lập của các quan tòa ngày càng giảm và tòa án càng ngày càng rơi vào tình trạng lệ thuộc hơn. Chính phủ làm việc đó để theo đuổi các mục tiêu chính trị. Và điều đặc biệt là nó đã thôi miên công luận và làm cho công luận chỉ còn chú trọng đến vai trò chính trị của tòa án nữa mà thôi. Ngay cả tòa hội thẩm cũng chỉ có hai quan điểm: chính trị hay là nhân đạo chung chung; trong trường hợp tốt nhất thì trong các phiên tòa hội thẩm ta có thể gặp tòa án lương tâm theo nghĩa nhân đạo tiêu cực chứ không phải là nhận thức pháp quyền tích cực. Dĩ nhiên là trong những điều kiện xã hội của chúng ta quan điểm chính trị đối với tòa hình sự là không thể tránh được. Cuộc đấu tranh bảo vệ pháp luật nhất định biến thành cuộc đấu tranh cho một lý tưởng chính trị nào đó.

Nhưng thái độ bàng quan của xã hội đối với tòa dân sự làm người ta phải ngạc nhiên. Các tầng lớp xã hội rộng lớn không hề quan tâm tới tổ chức và hoạt động của nó. Báo chí của chúng ta không hề nghiên cứu ý nghĩa của nó đối với sự phát triển pháp luật của chúng ta, báo chí không đưa những tin tức quan trọng, đây là nói về khía cạnh pháp luật, mà nếu có nói thì đây chỉ là các vụ có tính giật gân mà thôi. Trong khi đó, nếu giới trí thức kiểm soát và điều chỉnh tòa dân sự, tức là loại tòa án tương đối độc lập, thì nó có thể có ảnh hưởng rất lớn trong việc củng cố và phát triển trật tự pháp lý của chúng ta. Khi nói về sự bấp bênh của trật tự pháp lý trong lĩnh vực dân sự, người ta thường nhắm vào sự khiếm khuyết của luật pháp trong lĩnh vực vật chất. Quả thật là bộ luật của chúng ta quá cồng kềnh, hoàn toàn không có luật thương mại, một số lĩnh vực dân sự khác cũng hầu như không được điều chỉnh bằng các tiêu chuẩn pháp luật thành văn. Nhưng như thế thì tòa dân sự càng phải có vai trò quan trọng hơn. Các dân tộc có nhận thức pháp quyền phát triển như người La Mã hay người Anh, trong những điều kiện tương tự, đã có một hệ thống pháp luật bất thành văn rất phát triển, còn ở nước ta trật tự pháp luật vẫn ở trong tình trạng bấp bênh như cũ. Dĩ nhiên là chúng ta cũng có luật pháp hình thành trên cơ sở các quyết định của tòa án, không có nó thì chúng ta không thể tồn tại được và điều đó bắt nguồn từ sự kiện là tòa án của chúng ta đã hoạt động thường xuyên. Nhưng không có nước nào mà hoạt động của tòa phúc thẩm tối cao lại bấp bênh và mâu thuẫn như ở ta; không có tòa phúc thẩm nào lại thường xuyên hủy bỏ quyết định của chính mình như là thượng viện của chúng ta. Không nghi ngờ gì rằng xã hội ta, một xã hội bàng quan với sự ổn định và tính đúng đắn của

trật tự luật pháp trong lĩnh vực dân sự, phải chịu phần lớn trách nhiệm trong sự bấp bênh của tòa phúc thẩm tối cao. Ngay cả các nhà luật học của chúng ta cũng ít quan tâm đến vấn đề này và vì vậy mà vẫn chưa có quy định về phương thức hoạt động của tòa phúc thẩm. Chúng ta không có cả cơ quan ngôn luận chuyên trách về vấn đề này, tờ tuần báo duy nhất là tờ Pháp luật, chuyên về việc bảo vệ và soạn thảo luật hình thức, thì mới tồn tại được đúng mười năm.

Sự bàng quan của xã hội đối với trật tự luật pháp trong lĩnh vực dân sự càng làm người ta kinh ngạc hơn vì nó liên quan đến những quyền lợi sống còn và sát sườn của xã hội. Đây là những vấn đề thường nhật, việc điều chỉnh đời sống vật chất, gia đình và xã hội của chúng ta phụ thuộc vào việc giải quyết các vấn đề như thế.

Nhận thức pháp quyền của xã hội ta như thế nào thì tòa án của ta như thế ấy. Chỉ có một vài người từ những tòa án thời kỳ đầu cải cách là tạo được ảnh hưởng tích cực đối với nhận thức pháp quyền của xã hội mà thôi, còn trong hai chục năm gần đây không có bất cứ một quan tòa nào nổi tiếng và cũng chẳng có người nào chiếm được cảm tình của xã hội. Về các hội đồng thẩm phán thì càng chẳng có gì để nói. “Quan tòa” không phải là danh hiệu đầy vinh dự, chứng tỏ đức tính chí công vô tư, hào hiệp, chỉ phụng sự pháp luật như ở các nước khác. Ở nước ta không có tòa hình sự vô tư, không thiên vị; hơn thế nữa, tòa hình sự của chúng ta đã trở thành một loại phương tiện báo thù. Ở đây, dĩ nhiên là các lý do chính trị đóng vai trò quyết định. Nhưng tòa dân sự cũng còn lâu mới đáp ứng được nhiệm vụ của mình. Sự dốt nát, thái độ tắc trách của một số quan tòa làm người ta kinh

ngạc, đa số chẳng hề quan tâm, chẳng hề suy nghĩ và không nhận thức được tầm quan trọng và trách nhiệm của mình đối với cái công việc đòi hỏi phải suy nghĩ không ngừng nghỉ như thế. Những người có hiểu biết về tòa án của chúng ta khẳng định rằng những vụ hơi khó khăn và phức tạp đều không được giải quyết trên cơ sở của luật pháp mà là do một sự ngẫu nhiên nào đó. Trong trường hợp tốt nhất thì một quan tòa thông minh và được ủy thác, trong khi xét xử một vụ nào đó, cũng chỉ đưa ra những bằng chứng có lợi cho người ủy thác mà thôi. Nhưng thường thì ngay cả sự giả vờ đó cũng không phải là điều quyết định mà quyết định đối với vụ án lại là những tính toán ở bên ngoài. Dân chúng Nga thường không biết ý nghĩa của tòa án và không tôn trọng nó; điều này thể hiện rất rõ trong hai thành phần tham gia phiên tòa là người làm chứng và giám định viên. Chúng ta buộc phải công nhận rằng nhiều người làm chứng và giám định viên hoàn toàn không nhận thức được nhiệm vụ của mình: giúp tìm ra sự thật. Thái độ khinh xuất đối với nhiệm vụ này thể hiện rõ trong các thuật ngữ không thể tưởng tượng nổi, nhưng vẫn rất thịnh hành, thí dụ như “người đáng tin” hay “kẻ làm chứng trung thực”. Từ lâu đã không còn “tòa án nhanh” để xử các vụ án dân sự nữa, các tòa án của chúng ta có nhiều việc đến nỗi các vụ việc phải đi qua tất cả các cấp, kéo dài đến năm năm. Người ta có thể bảo rằng tòa án có quá nhiều việc và đây là nguyên nhân chính của thái độ tắc trách và rập khuôn của quan tòa đối với công việc. Nhưng nếu quan tòa được đào tạo tốt và có hiểu biết, những người làm trong ngành và xã hội quan tâm đến tòa án hơn nữa thì công việc chắc chắn sẽ diễn ra trôi chảy hơn, các vụ án sẽ được giải quyết nhanh hơn, dễ hơn và tốt hơn. Cuối cùng, trong

những điều kiện như thế, trật tự luật pháp sẽ giành được ý nghĩa quyết định và số lượng các quan tòa của chúng ta cũng không thể ở mãi trong tình trạng không thể chấp nhận được như hiện nay.

Cuộc cải cách tòa án năm 1864 đã tạo ra những người tự do phụng sự luật pháp, đây là tầng lớp luật sư. Nhưng cũng phải công nhận rằng dù đã tồn tại hơn bốn mươi năm, tầng lớp luật sư cũng chỉ đóng góp được quá ít cho sự phát triển của nhận thức pháp quyền. Chúng ta đã có những trạng sự biện hộ nổi tiếng trong lĩnh vực chính trị và hình sự; nhưng nói cho ngay, ở đây cũng có một số người cổ súy tích cực cho thái độ nhân đạo với phạm nhân, nhưng còn đa số đều là những người đấu tranh cho một lý tưởng chính trị nào đó, hay có thể nói cho “luật pháp mới” chứ không phải là “theo luật” theo đúng nghĩa của từ này. Quá say sưa đấu tranh cho việc hình thành luật mới, họ thường quên mất luật pháp hình thức và pháp luật nói chung. Cuối cùng, đôi khi họ còn làm hại cả “luật pháp mới” bởi vì họ được dẫn đạo bởi các tính toán chính trị chứ không phải luật pháp. Nhưng giới luật sư lại đóng góp ít hơn cho sự phát triển trật tự luật pháp dân sự. Ở đây cuộc đấu tranh vì pháp luật thường dễ bị các tính toán khác gạt sang một bên và các luật sư nổi tiếng của chúng ta thường biến thành những kẻ “làm ăn” bình thường nữa. Đây là bằng chứng cho thấy tòa án của chúng ta cũng như nhận thức pháp quyền của chúng ta không những không ủng hộ cuộc đấu tranh vì luật pháp mà còn có ảnh hưởng theo hướng ngược lại nữa.

Tòa án không thể có vị trí xứng đáng nếu xã hội không nhận thức được một cách rõ ràng những nhiệm vụ của nó. Có rất nhiều bằng chứng cho thấy giới trí thức của chúng ta chưa có nhận thức như thế. Chỉ cần dẫn ra ở đây các quan điểm được những người đại diện cho nhận thức pháp quyền của nhân dân phát biểu tại Duma quốc gia thì rõ. Thí dụ, Aleksinski, đại biểu Duma quốc gia khóa II, thuộc phe cực tả dọa sẽ đưa kẻ thù của nhân dân ra tòa và nói rằng “đấy sẽ là phiên tòa khủng khiếp hơn tất cả mọi phiên tòa”. Sau vài buổi họp, Shulgin, đại diện cho phe cực hữu lại biện hộ cho các tòa án quân sự tại trận rằng như thế còn tốt hơn là để “cho nhân dân tự xử” và khẳng định rằng việc bãi bỏ các tòa án quân sự sẽ dẫn tới “những vụ tự xử khủng khiếp nhất”, những người vô tội sẽ phải gánh chịu hậu quả. Tuy nhiên việc sử dụng sai từ “tòa án” như thế chứng tỏ rằng quan niệm của các đại biểu của chúng ta về tòa án thể hiện thế giới quan của thời kỳ khi mà tòa còn “bắt lưu đầy và tịch thu tài sản”.

Không nên chỉ đổ lỗi cho hoàn cảnh chính trị, chính chúng ta cũng có lỗi trong việc có những tòa án kém như thế. Trong những điều kiện chính trị tương tự, tòa án ở các nước khác dù sao cũng vẫn bảo vệ được pháp luật. Câu ngạn ngữ “Quan tòa ở Berlin” thịnh hành vào cuối thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX khi mà Phổ vẫn còn là nhà nước quân chủ chuyên chế chứng tỏ điều đó.

Tất cả câu chuyện về trình độ nhận thức pháp quyền thấp của giới trí thức của chúng ta không phải là để kết tội hay lên án. Sự thất bại của cuộc cách mạng Nga và sự kiện trong những năm gần đây đã là bản án danh thếp đối với giới trí thức

rồi. Bây giờ trí thức phải đi vào thế giới nội tâm, thâm nhập vào nó để làm tươi mới và bồi bổ thêm cho nó. Trong quá trình lao động như thế, cuối cùng nhận thức pháp quyền của giới trí thức của chúng ta nhất định sẽ được đánh thức. Những dòng này được chấp bút với niềm tin và mong ước cháy bỏng rằng một ngày không xa, nhận thức pháp quyền của giới trí thức của chúng ta sẽ trở thành lực lượng xây dựng và sáng tạo nên một đời sống xã hội mới. Trải qua một loạt thử thách đầy cay đắng, giới trí thức của chúng ta phải đi đến nhận thức rằng bên cạnh các giá trị tuyệt đối như tự tu dưỡng cá nhân và đức hạnh thì còn có các giá trị tương đối, giá trị bình thường nhưng bền vững và không gì phá hủy được như trật tự pháp luật nữa.

Ghi chú cho lần xuất bản thứ hai. Nhiều người cho rằng thật là bất công khi lên án sự yếu kém trong nhận thức pháp quyền của giới trí thức vì nó không có lỗi mà đây là những điều kiện ngoại tại, tức là sự vô luật pháp đang ngự trị trong đời sống của chúng ta. Không thể phủ nhận được ảnh hưởng của những điều kiện đó và nó đã được phản ánh trong bài báo của tôi. Nhưng không được đổ tất cả cho hoàn cảnh, không được bình thản mà phải công nhận rằng “nhà nước của chúng ta trong một thời gian dài, phải nói là mấy thế hệ, đã không giáo dục mà lại còn làm cho chúng ta đổ đốn thêm”, rằng “mấy thế hệ người Nga được dạy dỗ coi thường luật pháp, cho rằng luật pháp chẳng những bất lực mà còn không cần thiết nữa”[52]. Nếu chúng ta nhận thức được tai họa thì chúng ta không thể ngồi yên, lương tâm của chúng ta không thể bình thản và chúng ta phải đấu tranh với cái nguyên nhân

đang hủ hóa con người của ta ở chính trong ta. Thật không xứng đáng là một người có tư duy khi phát biểu: chúng ta đã bị hủ hóa rồi và nếu người ta không gỡ bỏ cái nguyên nhân làm băng hoại kia đi thì chúng ta sẽ còn tiếp tục hủ hóa như thế nữa. Mọi người đều phải nói: tôi không được sa đọa như thế nữa vì tôi đã nhận thức được rằng người ta đang làm tôi sa đọa và tôi biết nguyên nhân của sự sa đọa đó rồi. Chúng ta cần phải mang hết nghị lực của tư duy, ý chí và tình cảm để giải phóng nhận thức của mình khỏi những ảnh hưởng tiêu cực do hoàn cảnh không thuận lợi gây ra. Đây là lý do vì sao nhiệm vụ của giai đoạn này là đánh thức nhận thức pháp quyền của giới trí thức Nga và đưa nó vào hành động, đưa nó vào đời sống.

Chú thích:

B. A. Kistiakovski (1869-1920) là triết gia, nhà luật học và xã hội học nổi tiếng, đảng viên đảng Dân chủ lập hiến. Kiến thức về pháp luật Nga của ông sâu sắc đến mức Max Weber đã chọn ông làm cố vấn khi viết về các đảng phái chính trị ở Nga. Bài Trí thức và nhận thức pháp quyền được đăng trong Những cột mốc, xuất bản lần đầu năm 1909.

[1] Thomas Hobbes (1588-1679), triết gia và chính khách người Anh

[2] Sir Robert Filmer (1588-1653), lý thuyết gia chính trị; tác phẩm Patriacha, or the Natural Power of Kings nói tới ở đây xuất bản năm 1680.



[3] John Milton (1608 - 1674), nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động xã hội nổi tiếng người Anh.

[4] John Lilburne (1615-1657), nhà hoạt động chính trị người Anh.

[5] John Locke (1632-1704), một trong những triết gia vĩ đại nhất của châu Âu thế kỷ XVII, tác phẩm Two Treatises of Government (Hai khảo luận về chính quyền) xuất bản năm 1689, trong đó Khảo luận thứ hai về chính quyền. Chính quyền dân sự đã được Lê Tuấn Huy dịch, Nhà xuất bản Tri thức ấn hành năm 2006.

[6] Montesquieu (1689-1755), người tiên phong trong phong trào Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII. Tác phẩm Bàn về tinh thần pháp luật được Hoàng Thanh Đạm dịch, Nhà xuất bản Lý luận chính trị ấn hành năm 2004.

[7] Jean-Jacque Rousseau (1789-1794), tác phẩm Bàn về khế ước xã hội được Hoàng Thanh Đạm dịch, Nhà xuất bản Lý luận chính trị ấn hành năm 2004.

[8] Johannes Althusius (1557-1638), triết gia người Đức.

[9] Pufendorf Samuel (1632-1694), luật sư nổi tiếng người Đức.

[10] Thomasius Christian (1655-1728), triết gia người Đức.

[11] Wolff Christian (1679-1754), tư tưởng gia người Đức.

[12] Kant E. (1724-1804), ông tổ của nền triết học cổ điển Đức.

- [13] Fichte Johann Gottlieb (1762 - 1814), triết gia nổi tiếng người Đức.
- [14] Hegel G. (1770-1831), triết gia người Đức, ông tổ của phép biện chứng.
- [15] Herbart Iohann Friedrich (1776-1841), triết học, nhà tâm lý học và giáo dục học nổi tiếng người Đức.
- [16] Krause Christian Friedrich (1781-1832), triết gia người Đức.
- [17] Fries Jakob Friedrich (1773-1843), triết gia người Đức.
- [18] Thibaut (1772-1840), luật gia nổi tiếng người Đức.
- [19] Savigny Friedrich Karl (1814-1875), luật gia nổi tiếng người Đức.
- [20] Puchta (1798-1846), luật gia nổi tiếng người Đức.
- [21] Beseler (1809-1888), luật gia và chính trị gia nổi tiếng người Đức.
- [22] Von Ihering (1818-1892), luật gia nổi tiếng người Đức.
- [23] Tritrerin G. V. (1828-1804), luật sư, triết gia và nhà sử học nổi tiếng người Nga.
- [24] Vl. Soloviev (1853-1900), nhà thơ và triết gia nổi tiếng người Nga.
- [25] Gersen A. I. (1812-1870), nhà triết học, nhà chính luận và nhà văn nổi tiếng người Nga.

[26] K. S. Aksakov (1817-1860), nhà chính luận, nhà sử học, nhà ngôn ngữ học, nhà thơ Nga.

[27] Pëtr (1672-1725), thường gọi là Pëtr Đại đế.

[28] B. N. Almazov (1827-1876), nhà phê bình văn học, nhà thơ trào phúng Nga.

[29] Leontiev K. N. (1831-1891), triết gia tôn giáo người Nga.

[30] Không có giá trị đáng kể - tiếng Pháp, ND.

[31] Nietzsche F. (1844-1900), triết gia vĩ đại người Đức.

[32] Max Stirner, tên thật là Johann Kaspar Schmidt (1806-1858), triết gia người Đức.

[33] K. D. Kavelin (1818-1885), nhà sử học, nhà xã hội học và luật học nổi tiếng người Nga.

[34] Alexander II (1818-1881), hoàng đế Nga từ năm 1855. Bị những người dân tước ám sát.

[35] N. K. Mikhailovski (1842-1904), nhà xã hội học, nhà báo và nhà phê bình văn học Nga, lý thuyết gia của phong trào dân tước.

[36] Xem Mikhailovski N. K. Toàn tập, tập IV, trang 949.

[37] Tác phẩm đã dẫn, trang 952.

[38] Merkle Adolphe (1827-1885), luật gia nổi tiếng người Đức.

[39] Struve P. B. (1870-1944), nhà kinh tế học có tài, thời trẻ từng là lãnh tụ của những người mác-xít. Sau Cách mạng Tháng Mười sống lưu vong ở nước ngoài.

[40] Starover, tên thật là A. H. Potresov (1869-1943), thuộc phái “melshevik”.

[41] Xem: Potresov A. N. Tiểu luận về giới trí thức Nga, 1908, trang 253 và các trang tiếp theo.

[42] Plekhanov G. V. (1856-1918), nhà triết học và nhà hoạt động nổi tiếng trong phong trào dân chủ-xã hội quốc tế người Nga.

[43] Lợi ích của nhân dân là trên hết - tiếng Latin trong nguyên văn.

[44] Lợi ích của cách mạng là trên hết - tiếng Latin trong nguyên văn.

[45] Quốc hội vô hình - tiếng Pháp trong nguyên văn.

[46] Xem: Toàn tập biên bản Đại hội II đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga, Geneva, 1903, trang 169-170.

[47] BUND là tên viết tắt của Liên đoàn công nhân Do Thái Nga và Ba Lan, được thành lập năm 1897, năm 1998 tham gia vào đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga.

[48] Novgorodtsev P. Hoạt động lập pháp của Duma quốc gia. Tập hợp các bài báo. Duma quốc gia I, 1907, tập II, trang 22.

[49] Martov Iu. O. (1873-1923), nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào cách mạng Nga, đảng viên đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga từ năm 1900, từ năm 1903 là lãnh tụ phe “melshevik”, thành viên ban biên tập tờ Ngọn lửa nhỏ, lưu vong từ năm 1920.

[50] Toàn tập biên bản Đại hội II đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga, Geneva, 1903, trang 331.

[51] Tài liệu vừa dẫn, trang 333.

[52] V. Maklakov Luật pháp trong cuộc sống người Nga, Tin tức châu Âu, tháng 5, năm 1909, trang 273-274)